

Hưng Yên, ngày 8 tháng 3 năm 2017

Số: 012 /2017/QĐ-THUV

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Đề án tự chủ

tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hình thức chính quy năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-TTg ngày 23 /11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Nghiên cứu khoa học và Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Đề án tự chủ tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hình thức chính quy năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trường Phòng Đào tạo Đại học và các phòng ban liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Hiệu trưởng (để b/c)
- Vụ Giáo dục Đào tạo – Bộ GD&ĐT (để b/c)
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



位真理

KUSUMI MARI

Hung Yên, ngày 8 tháng 3 năm 2017

**ĐỀ ÁN TỰ CHỦ TUYỂN SINH
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VÀ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 012/2017/QĐ-THUV của Hiệu trưởng
Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam ngày 8 / 3 /2017)*

I. Thông tin chung về trường :

1.1. Giới thiệu về trường:

- Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **TOKYO HUMAN HEALTH SCIENCES UNIVERSITY VIETNAM**
- Cơ quan chủ quản: -
- Địa chỉ: ST-01, Khu đô thị thương mại & du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
- Số điện thoại: (+84) 868 217 406 và (+84-04) 6664 0325
- Fax: (+84-04) 6664 0305
- Email: dhyktokyo.vn@moet.edu.vn
- Website: <https://tokyo-human.edu.vn/vn/index.php>
- Năm thành lập: 2016
- Loại hình trường đào tạo: Ngoài công lập

Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam là cơ sở đào tạo có nguồn vốn 100% nước ngoài, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dưới sự bảo trợ về mặt chuyên môn Y học của trường Đại học khoa học và tổng hợp nhân sinh Nhật Bản với hơn 60 năm kinh nghiệm đào tạo, kết hợp với việc đầu tư trang thiết bị kỹ thuật chăm sóc sức khỏe, kỹ thuật xét nghiệm y tế trình độ đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế của Nhật Bản của Nhà trường thì sinh viên Việt Nam không cần phải du học nước ngoài mà vẫn được tiếp nhận nền giáo dục y tế đạt tiêu chuẩn quốc tế, bên cạnh việc học tập các kỹ thuật y tế và kỹ

thuật xét nghiệm cao cấp sinh viên còn được trau dồi được năng lực tiếng Nhật và tiếng Anh. Sinh viên tốt nghiệp Trường đại học Y khoa Tokyo Việt Nam sẽ được cấp bằng cử nhân y tế để có thể làm việc trong xã hội toàn cầu, hơn nữa sẽ nắm được khả năng giao tiếp, tính hợp tác, khả năng tự học tập, là những kỹ năng thông dụng cần thiết trong thực tế lâm sàng.

Đặc biệt, điều chúng tôi chú trọng triết lý “Tự lập” và “Cộng sinh” trong đào tạo, là nội dung đã được đề cập đến trong Sứ mệnh sáng lập Trường. Chúng tôi đã lồng quan điểm này vào chương trình học của nhà trường nhằm đào tạo ra những cán bộ y tế có khả năng cống hiến cho sức khỏe và hạnh phúc của con người ở các nền văn hóa khác nhau với những quan điểm giá trị khác nhau trên thế giới.

1.2. Quy mô đào tạo:

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐ	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học viên cao học, số SV đại học, cao đẳng)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH, CĐ)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành VI	Đại học: 9	0	0	0
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ)	9	0	0	0

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

Do Trường được thành lập từ năm 2016 nên chỉ tuyển sinh được trong năm 2016 với hình thức xét tuyển điểm kỳ thi THPT Quốc gia.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh (2015)			Năm tuyển sinh (2016)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI Ngành Điều dưỡng Tổ hợp 1: Toán - Hóa - Sinh Tổ hợp 2: Toán – Vật lý - Hóa	-	-	-	80	4	17,5 17,5
Nhóm ngành VI Ngành Phục hồi chức năng Tổ hợp 1: Toán - Hóa – Sinh Tổ hợp 2: Toán – Vật lý - Hóa	-	-	-	40	5	16 16
Tổng	-	-	-	120	9	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh:

2.1. *Đối tượng tuyển sinh:* Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

2.2. *Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trong cả nước

2.3. *Phương thức tuyển sinh:* Xét tuyển điểm thi THPT Quốc gia 2017 hoặc tham dự thi phỏng vấn của trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh:* Tổng chỉ tiêu tuyển sinh là

- Ngành Điều dưỡng hệ 4 năm: 80 sinh viên
- Ngành Phục hồi chức năng/Vật lý trị liệu: 40 sinh viên

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:* Có 2 phương thức xét tuyển như sau

2.5.1. *Xét tuyển và tham gia thi phỏng vấn:*

- **Vòng 1. Điều kiện đăng ký:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có điểm trung bình tổng kết mỗi năm học $\geq 6,8$ điểm trong 03 năm (lớp 10, lớp 11, lớp 12). Ngoài ra, thí sinh phải viết một bài luận (khoảng 1 trang A4) nói rõ lý do, nguyện vọng học tại Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam được đính kèm trong hồ sơ dự tuyển.

➤ **Vòng 2. Tham gia thi phỏng vấn bởi Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam**

2.5.2. *Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2017:*

- Thí sinh đủ điều kiện tham gia tuyển sinh quy định tại Điều 6 Thông tư 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.
- Đã tham gia dự kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017
- Tổng điểm các môn thi của tổ hợp xét tuyển không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

2.6.1. *Mã số trường:* THU

2.6.2. *Mã số ngành:*

- Ngành Điều dưỡng hệ 4 năm: 52720501
- Ngành Phục hồi chức năng/Vật lý trị liệu: 52720333

2.6.3. *Tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp:*

- A00: Toán – Vật lý – Hóa học
- A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh
- B00: Toán – Hóa học – Sinh học
- D08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh

04 tổ hợp trên đều được sử dụng để xét tuyển vào tất cả các ngành của Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.

2.6.4. *Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:*

Trong trường hợp các thí sinh có tổng hợp các môn thi của tổ hợp xét tuyển bằng nhau thì xét ưu tiên môn Toán với khối A00 và A01, ưu tiên môn Sinh học đối với tổ hợp B00 và D08.

2.6.5. Phân bổ chỉ tiêu đối với từng hình thức thi tuyển:

STT	Nghành	Tổng chỉ tiêu	Xét tuyển và thi phỏng vấn	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia năm 2017
1	Điều dưỡng (hệ 4 năm)	80	48 (60%)	32 (40%)
2	Phục hồi chức năng/Vật lý trị liệu	40	24 (60%)	16 (40%)
Tổng		120	72	48

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

2.7.1. Thời gian tuyển sinh:

- Đối với các thí sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia: Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với các thí sinh xét tuyển và thi phỏng vấn: Thí sinh có thể nộp hồ sơ theo 1 trong 4 đợt sau

STT	Đợt	Thời gian nhận hồ sơ
1	I	Từ 02/5 đến 31/5/2017
2	II	Từ 15/6 đến 02/7/2017
3	III	Từ 10/7 đến 26/7/2017
4	IV	Từ 07/8 đến 23/8/2017

Sau khi qua vòng sơ tuyển hồ sơ, thí sinh sẽ nhận được giấy báo thời gian, địa điểm kiểm tra đánh giá năng lực. Hình thức, nội dung và thời gian phỏng vấn đánh giá năng lực:

- Hình thức: Phỏng vấn trực tiếp.
- Đối tượng: Thí sinh vượt qua vòng xét hồ sơ.
- Địa điểm: Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

- Người đánh giá: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.
- Nội dung: Đánh giá dựa trên tiêu chí về khả năng tư duy, khả năng xử lý tình huống và sự phù hợp với ngành nghề đã đăng ký.
- Thời gian dự kiến tuyển sinh:

STT	Đợt	Thời gian thi đánh giá năng lực
1	I	Dự kiến 02/6/2017
2	II	Dự kiến 04/7/2017
3	III	Dự kiến 28/7/2017
4	IV	Dự kiến 25/8/2017

2.7.2. Hình thức nhận ĐKXT:

- Đối với các thí sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia: Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với các thí sinh xét tuyển thi phỏng vấn: Thí sinh có thể đăng ký theo 01 trong 02 cách:
 - Nộp qua đường bưu điện: Thí sinh tải mẫu hồ sơ tại trang web chính thức của Nhà trường (<http://tokyo-human.edu.vn/>) và gửi hồ sơ về Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam. Địa chỉ: ST-01, Khu đô thị thương mại & du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Ngoài phong bì ghi rõ Hồ sơ xét tuyển thi đại học, cao đẳng. Ngày của hồ sơ được tính theo dấu bưu điện.
 - Nộp trực tiếp tại Phòng đào tạo – Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam. Địa chỉ: ST-01, Khu đô thị thương mại & du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

2.8. Chính sách ưu tiên: Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển và cách thức nộp:

- Đối với thí sinh xét tuyển và thi phỏng vấn: 200.000 đ /thí sinh/lượt thi. Hình thức nộp lệ phí:
 - ✓ Cách 1: Thí sinh để lệ phí thi cùng hồ sơ đăng ký xét tuyển.

✓ Cách 2: Nộp trực tiếp tại nơi tiếp nhận hồ sơ - Phòng đào tạo, Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

- Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả THPT: theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:

- Ngành Điều dưỡng hệ 4 năm: Dự kiến 69.600.000/năm
- Ngành Phục hồi chức năng/Vật lý trị liệu: Dự kiến 69.600.000/năm

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính:

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường:

Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam đã ký hợp đồng thuê đất 50 năm với Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng (chủ đầu tư dự án Ecopark) từ năm 2014. Tổng diện tích khu đất là hơn 3ha.

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường:

- + Khu hiệu bộ: 894,55 m²
- + Khu học lý thuyết: 2.495,09 m²
- + Khu học thực hành, thực tập: 2.115,08 m²
- + Thư viện: 415 m² (trong đó có: 150 chỗ ngồi, giáo trình điện tử: 500, số đầu sách: 4654, phòng tự học: 104,5 m²)
- + Khu thể thao: 905 m² (bao gồm 2 sân cầu lông và 1 sân bóng đá mini)
- + Nhà ăn: 245,55 m² (150 chỗ)
- + Phòng y tế: 52,91 m²
- + Hội trường/ Phòng đa năng: 688 m²
- + Khu vực khác: 1.798,68m²
- Các công trình, phòng học sử dụng đào tạo chuyên ngành tại trụ sở chính:
 - + Các phòng học được sử dụng chung học lý thuyết: 1.224,36 m²
 - + Phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập: 700,34 m²



+ Các công trình phục vụ (hội trường, thư viện, khu thể thao, ký túc xá...): 1618,5 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: Chưa có

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

STT	Tên thiết bị đào tạo	Số lượng	Phòng
1	Mô hình bản sao bộ xương nữ giới Nhật Bản	1	2 Phòng thực tập các môn khoa học/ y học cơ sở
2	Mô hình bản sao từng phần bộ xương nam giới Nhật Bản	1	
3	Mô hình bản sao từng phần bộ xương nữ giới Nhật Bản	1	
4	Mô hình các loại khớp 10 loại	1	
5	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe “Physiko”	6	
6	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	6	
7	Mô hình phổi	1	
8	Mô hình phổi trong suốt nhìn rõ các nhánh khí quản	1	
9	Mô hình hệ tiêu hóa	1	
10	Mô hình não dạng A	1	
11	Mô hình mặt cắt ngang cột sống	1	
12	Mô hình tay dạng D	1	
13	Mô hình chân dạng D	1	
14	Mô hình mặt cắt biểu bì da	1	
15	Mô hình cấu tạo mắt dạng A	1	
16	Mô hình cấu tạo tai dạng A	1	
17	Mô hình cấu tạo răng dạng A	1	
18	Mô hình khoang mũi - họng - thanh quản	1	
19	Mô hình hệ tiết niệu	1	
20	Mô hình quá trình thụ thai	1	
21	Mô hình các loại thực phẩm cơ bản	1	
22	Mô hình thay đổi khẩu phần ăn uống	1	
23	Mô hình khẩu phần ăn uống ít muối 45	1	

STT	Tên thiết bị đào tạo	Số lượng	Phòng
24	Mô hình giải phẫu xương chậu trong suốt	1	
25	Mô hình tử cung của phụ nữ mang thai - dạng A	1	
26	Mô hình các giai đoạn phát triển của thai nhi - dạng A	1	
27	Mô hình 12 loại bệnh truyền nhiễm trên da	1	
28	Mô hình viêm loét dạ dày	1	
29	Mô hình ung thư vú	1	
30	Mô hình ung thư tử cung	1	
31	Mô hình ung thư thực quản	1	
32	Mô hình ung thư gan	1	
33	Mô hình ung thư dạ dày	1	
34	Mô hình xuất huyết não	1	
35	Mô hình tình trạng kí sinh trùng kí sinh trên cơ thể người	1	
36	Mô hình 10 loại kí sinh trùng trên cơ thể người	1	
37	Mô hình chi trên - dạng A	1	
38	Mô hình chi dưới - dạng A	1	
39	Mô hình dạ dày	1	
40	Mô hình giải phẫu ruột	1	
41	Mô hình gan, lá lách, thận	1	
42	Mô hình cấu tạo của thận dạng CIM	1	
43	Mô hình thực đơn ăn dặm	1	
44	Mô hình giải phẫu cơ thể dạng M-100	1	
45	Mô hình bộ xương nam giới Nhật Bản	1	
46	Mô hình hệ tuần hoàn máu	1	
47	Mô hình hộp sọ dạng H-3	1	
48	Mô hình cấu tạo tim dạng A	1	
49	Mô hình não và hệ thần kinh	1	
50	Mô hình bộ xương nam giới dạng SA-160	1	
51	Mô hình cấu tạo giải phẫu 3D	1	
52	Tủ y tế đầu giường	10	

HỒ
M

STT	Tên thiết bị đào tạo	Số lượng	Phòng	
53	Mô hình bộ xương người gắn kết	1		
54	Mô hình giải phẫu bán thân và nội tạng tháo rời người lớn 24 phần	1		
55	Mô hình giải phẫu cơ đầu với cổ	1		
56	Mô hình cột sống	1		
57	Mô hình giải phẫu da	1		
58	Mô hình giải phẫu mắt 11 phần	1		
59	Mô hình giải phẫu cánh tay 20 phần	1		
60	Mô hình giải phẫu tai 4 phần	1		
61	Mô hình giải phẫu tim 2 phần	1		
62	Mô hình giải phẫu cơ và nội tạng 33 phần	1		
63	Mô hình bộ xương người gắn kết	2		
64	Mô hình khớp vai	1		
65	Mô hình khung chậu nữ	1		
66	Mô hình hộp sọ 3 phần	1		
67	Mô hình não 9 phần	1		
68	Mô hình giải phẫu bán thân 20 phần	1		
69	Mô hình cột sống	1		
70	Tranh màu	1		
71	Tranh bệnh Alzheimer	1		
72	Tranh về kiểu gen	1		
73	Tranh về bệnh cúm	1		
120	Mô hình bộ xương người gắn kết	1		4 Phòng thực hành Điều dưỡng
121	Mô hình giải phẫu bán thân và nội tạng tháo rời người lớn 24 phần	1		
122	Mô hình giải phẫu cơ đầu với cổ	1		
123	Mô hình cột sống	1		
124	Mô hình giải phẫu da	1		
125	Mô hình giải phẫu mắt 11 phần	1		
126	Mô hình giải phẫu cánh tay 20 phần	1		

STT	Tên thiết bị đào tạo	Số lượng	Phòng
127	Mô hình giải phẫu tai 4 phần	1	
128	Mô hình giải phẫu tim 2 phần	1	
129	Mô hình giải phẫu cơ và nội tạng 33 phần	1	
130	Mô hình bộ srong người gắn kết	2	
131	Mô hình khớp vai	1	
132	Mô hình khớp cẳng tay	1	
133	Mô hình khớp đùi	1	
134	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	1	
135	Mô hình khung chậu nữ	1	
136	Mô hình hộp sọ 3 phần	1	
137	Mô hình não 9 phần	1	
138	Mô hình giải phẫu bán thân 20 phần	1	
139	Mô hình đặt ống xông dạ dày	1	
140	Mô hình thực hành nội thông khí quản	1	
141	Mô hình thực hành đa năng	1	
142	Mô hình tủy sống ngực	1	
143	Mô hình cuống phổi	1	
144	Mô hình khớp háng	1	
145	Mô hình khớp khuỷu tay	1	
146	Mô hình khớp vai	1	
74	Giường y tế bằng điện Model: PA-93281C	10	
75	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	10	
76	Mô hình thực hành nội thông khí quản Model: LM-106	1	
77	Mô hình đặt ống xông dạ dày Model: LM-097	1	
78	Mô hình thực hành đa năng Model: MW25	1	
79	Mô hình cấp dưỡng qua ống thông Model: MW8	1	
80	Mô hình thực hành tiêm trong da Model: M94	1	
81	Mô hình tủy sống ngực Model: BS 28/1	1	
82	Mô hình cuống phổi Model: HS 8/4	1	

STT	Tên thiết bị đào tạo	Số lượng	Phòng
83	Mô hình khớp háng Model: NS 51	1	
84	Mô hình khớp khuỷu tay Model: NS 52	1	
85	Mô hình khớp vai Model: NS 53	1	
86	Mô hình thực tập kiểm tra thai sản Model: LM-043N	1	
87	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử người lớn Model: PP-JTM-100M	1	
88	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử trẻ em Model: PP-CM-100M	1	
89	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử trẻ sơ sinh Model: PP-IM-100M	1	
90	Giường điện	1	
91	Giường y tế điện di động	13	
92	Băng ca dạng gập	1	
93	Bộ thực hành tiêm lấy máu tĩnh mạch kiểu đeo tay - Kantankun	5	
94	Mô hình tiêm " V line"	5	
95	Mô hình tay tiêm tĩnh mạch trẻ em	3	
96	Mô hình tiêm trong da	5	
97	Mô hình tiêm mông	2	
98	Mô hình thực hành nội thông khí quản & xử lý đường hô hấp	1	
99	Búp bê Resusci Anne hướng dẫn kỹ năng hồi sức cấp cứu nâng cao QCPR	1	
100	Mô hình thực tập thông đường tiểu nam	2	
101	Mô hình thực tập thông đường tiểu nữ	2	
102	Xe gội đầu HL	1	
103	Xe tắm gội, vệ sinh	1	
104	Bơm truyền dịch	50	
105	Bơm Syringe	1	
106	Mô hình cấp dưỡng qua ống thông	1	

STT	Tên thiết bị đào tạo	Số lượng	Phòng
107	Mô hình hướng dẫn ống nuôi tĩnh mạch trung ương	1	
108	Dụng cụ thực hành CPS	1	
109	Khí dung 303	1	
110	Thiết bị thụt rửa	1	
111	Mô hình thực hành thụt rửa - "Q chan"	1	
112	Máy tiệt trùng bằng hơi cao áp	1	
113	Xe đẩy thay băng	2	
114	Đồng hồ đo bụi	1	
115	Giường y tế bằng tay	6	
116	Mô hình thực hành với người trưởng thành "SAKURA" II	4	
117	Mô hình tiêm bắp tay dạng đeo	10	
118	Mô hình tiêm tĩnh mạch - trích máu - Shinjo II	10	
119	Giường cho trẻ em	10	
147	Búp bê thực hành sơ cứu người đuối nước- Resusci Junior	1	
148	Giường cho trẻ em	2	
149	Lồng ấp trẻ sơ sinh	1	
150	Bàn sưởi sơ sinh	1	
151	Bàn thăm khám (cân đo), vệ sinh trẻ sơ sinh	1	
152	Bàn cân trẻ sơ sinh DS-30	1	
153	Giường y tế điện di động	1	
154	Mô hình mát xa ngực sản phụ CS-1	2	
155	Mô hình thăm khám bụng sản phụ II	1	
156	Máy kiểm tra dấu hiệu sinh tồn của trẻ sơ sinh II	1	
157	Mô hình thực hành với trẻ từ 7 ~ 10 tháng tuổi - "Maron chan"	3	
158	Mô hình đỡ đẻ	1	
159	Dụng cụ hướng dẫn kiểm tra khí quản của trẻ sơ sinh	1	
160	Dụng cụ thử làm phụ nữ mang thai	2	

11/04/2024
 14/07/2024

STT	Tên thiết bị đào tạo	Số lượng	Phòng
161	Máy nghe tim thai	1	
162	Giường trẻ sơ sinh	1	
163	Mô hình thực tập kiểm tra thai sản	1	
164	Mô hình thực hành tắm nữ giới “Keiko”	1	
165	Thiết bị mô phỏng điện tim đồ (dạng bằng tay)	1	
166	Mô hình hậu môn nhân tạo	1	
167	Máy thụt rửa chạy liên tục áp lực thấp	1	
168	Xe đẩy cứu thương	1	
169	Túi dụng cụ hồi sức cấp cứu có thở oxy	1	
170	Bộ đặt nội khí quản	1	
171	Bộ dụng cụ hồi sức cấp cứu	1	
172	Thiết bị ghi điện tim	1	
173	Bộ nẹp thử nghiệm làm người già “Oitarou”	2	
174	Mô hình thực hành hô hấp nhân tạo AED	1	
175	Mô hình bếp thực hành bằng điện kiểu nâng	1	
176	Trục nâng chăm sóc bằng điện kiểu chân đứng	1	
177	Giá truyền dịch	5	
178	Xe đẩy dụng cụ tiêm 600x400x800	5	
244	Cân y tế	1	
245	Kính hiển vi 2 mắt	14	
246	Tủ hấp dụng cụ y tế	4	
247	Xe lăn	10	
248	Máy đo huyết áp thủy ngân	5	
249	Máy đo huyết áp điện tử	5	

3.1.3. Thống kê phòng học:

TT	Loại phòng	Số lượng
1.	Phòng học nhỏ 1 : tối đa 40 ghế	4
2.	Phòng học nhỏ 2: tối đa 30 ghế	4

3.	Phòng học lớn: tối đa 150 ghế	4
4.	Phòng học tin học – ngoại ngữ: tối đa 80 ghế	1
5.	Phòng đa chức năng nhỏ: tối đa 24 ghế	2
6.	Phòng đa chức năng trung bình 1: tối đa 80 ghế	1
7.	Phòng đa chức năng trung bình 2: tối đa 120 ghế	1
8.	Phòng đa chức năng lớn: tối đa 320 ghế	1
9.	Phòng học 1: tối đa 100 ghế	1
10.	Phòng học 2: tối đa 100 ghế	1
11.	Phòng học 3: tối đa 100 ghế	1
Tổng		21

3.1.4. *Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:*

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI Điều dưỡng: Phục hồi chức năng:	5100 đầu sách

3.2. *Danh sách giảng viên :*

TT	Nhóm ngành VI	Ngày sinh	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Giảng viên cơ hữu								
1.	Tamami Tamura	22/12/1951					x	
2.	Masako Yano	1/12/1936				x		
3.	Naotaka Hashizume	22/8/1941		x			x	
4.	Hitomi Karube	25/11/1954		x			x	
5.	Hideaki Sato	15/1/1965		x		x		
6.	Akira Yoshikawa	18/04/1983					x	
7.	Reiki Hagiwara	2/1/1973					x	
8.	Eiji Marui	8/1/1948		x			x	
9.	Kazumasa Nishida	27/04/1984			x			

10.	Masayuki Inoue	26/7/1957			X			
11.	Sumikazu Akiyama	15/5/1955		X			X	
12.	Youko Nakazato	9/9/1972				X		
13.	Raghda Shukri	4/1/1956		X			X	
14.	Tamami Tamura	22/12/1951	X				X	
15.	Junko Kobori	10/8/1962				X		
16.	Hiroko Sato	25/8/1970				X		
17.	Kumiko Sato	20/12/1948				X		
18.	Youko Nakazato	9/9/1972				X		
19.	Takayuki Endo	4/7/1943	X				X	
20.	Hasebe Yukari	3/10/1978				X		
21.	Sachiko Matsumoto	22/12/1947		X		X		
22.	Eiji Marui	29/11/1978			X			
23.	Shunichi Daito	12/9/1954		X		X		
24.	Nguyễn Thị Hương	12/02/1989				X		
25.	Lê Thị Bích Hợp	05/11/1981			X			
26.	Lã Thị Thu Thủy	22/3/1979			X			
27.	Đỗ Minh Hải	27/9/1982			X			
28.	Lê Thị Thanh Thủy	15/08/1991			X			
29.	Lê Thị Trang	26/11/1990			X			
30.	Trần Huy Toàn	9/3/1987			X			
31.	Tamotsu Kuwata	4/7/1943					X	
32.	Takayuki Asano	2/2/1968				X		
33.	Yukiko Nakanishi	16/1/1969		X			X	
34.	Watanabe Shigeru	11/4/1951			X			
35.	Kaneko Yuichi	18/11/1976				X		
36.	Fusako Kagitani	19/7/1970	X				X	
37.	Harue Suzuki	21/2/1955		X			X	
38.	Syuko Hotoge	5/9/1983					X	
39.	Trần Quang Đức	21/06/1991				X		
40.	Vũ Thị Ngọc	10/12/1990			X			
41.	Miho Suzuki	26/7/1957			X			
42.	Masayuki Inoue	26/7/1957			X			
43.	Nguyễn Thị Thanh Bình	5/11/1977				X		
44.	Nguyễn Thị Hồng Lê	02/08/1972				X		

45.	Phạm Ngọc Thắng				x			
46.	Lê Thị Hương Lan					x		
47.	Nguyễn Thị Thật	4/12/1977				x		
48.	Ngô Xuân Nguyên	6/11/1989				x		
Tổng giảng viên toàn trường: 48 giảng viên								

Ngày 8 tháng 3 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



任真理

★ KUSUMI MARI

